

VĂN HÓA HỒ CHÍ MINH

VĂN HÓA HÒA BÌNH, NHÂN ÁI VÀ HỮU NGHỊ GIỮA CÁC DÂN TỘC

PGS, TS NGUYỄN TRỌNG PHÚC

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Tóm tắt: Kỳ họp Đại hội đồng Tổ chức giáo dục, khoa học và văn hóa của Liên hợp quốc (UNESCO), từ ngày 20-10 đến ngày 20-11-1987, ở Paris (Pháp), đã ban hành Nghị quyết số 24C/18.65 tôn vinh Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam”. Bài viết này bàn về một khía cạnh trong văn hóa Hồ Chí Minh-văn hóa hòa bình, nhân ái và hữu nghị giữa các dân tộc. Từ sự khởi đầu đi tìm con đường cứu nước, sáng lập Đảng Cộng sản Việt Nam, cùng Đảng lãnh đạo Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công và hai cuộc kháng chiến, Hồ Chí Minh là hiện thân của văn hóa hòa bình, chủ nghĩa nhân văn, nhân đạo cao cả, phấn đấu cho độc lập, tự do của dân tộc mình, góp phần vào sự nghiệp giải phóng những người cùng khổ trên thế giới vì hòa bình và tình hữu nghị của các quốc gia dân tộc. Đó là một nội dung căn bản và nổi bật của tư tưởng Hồ Chí Minh.

Từ khóa: Hòa bình trong độc lập, tự do; văn hóa Hồ Chí Minh.

1 Văn hóa là thành quả hoạt động có ý thức và sáng tạo của con người suốt chiều dài lịch sử nhân loại và trong sự ứng xử với thiên nhiên, xã hội. Sự phát triển đó định hình những giá trị văn hóa chung đồng thời có giá trị văn hóa riêng của mỗi quốc gia, dân tộc và sản sinh ra những danh nhân văn hóa. Cuộc đời và sự nghiệp của Nguyễn Tất Thành-Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh không những là lãnh tụ chính trị vĩ đại mà còn là nhà văn hóa lỗi lạc của dân tộc Việt Nam.

Khi tham gia thành lập Đảng Cộng sản Pháp và trở thành người cộng sản (12-1920), Nguyễn Ái Quốc đã bày tỏ khát vọng: Độc lập cho Tổ quốc tôi, tự do cho đồng bào tôi, đây là những gì

tôi muốn, đây là những gì tôi hiểu¹. Từ sự khởi đầu cao cả đó để sau này, Người tổng kết thành chân lý: *Không có gì quý hơn độc lập, tự do.*

Yêu nước, thương dân là động lực lớn lao trong sự nghiệp giải phóng dân tộc, giải phóng con người của Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh. Thay mặt nhân dân An Nam, ngày 18-6-1919, Nguyễn Ái Quốc gửi bản yêu sách 8 điểm đến Hội nghị các nước thắng trận trong Chiến tranh thế giới 1914-1918 họp ở Versailles (Pháp). Đó là thông điệp và khát vọng tự do, hòa bình của cả một dân tộc đang bị áp bức trong chế độ thuộc địa tàn bạo của chủ nghĩa đế quốc.

Những năm 1920-1922, tại Paris, Nguyễn Ái Quốc đã 3 lần đối thoại trực tiếp với Bộ trưởng

thuộc địa Pháp Albert Sarraut. Trong các cuộc gặp gỡ đó, Nguyễn Ái Quốc đã thẳng thắn nói rõ: Cái mà tôi cần nhất trên đời là: đồng bào tôi được tự do, Tổ quốc tôi được độc lập, chúng tôi không thù oán hay chống lại nước Pháp mà chỉ đòi độc lập; các ngài phải trả lại độc lập cho nước Việt Nam, nếu không trả thì chúng tôi sẽ tiếp tục đấu tranh để giành cho được độc lập và sẽ biết quản lý và phát triển đất nước².

Ngày 30-6-1923, Nguyễn Ái Quốc tới Liên Xô, đất nước của V.I.Lênin và Cách mạng Tháng Mười, bắt đầu sự nghiệp hoạt động trong Quốc tế Cộng sản với cả trách nhiệm giải phóng cho dân tộc mình và nhiệm vụ quốc tế cao cả giải phóng các dân tộc bị áp bức, các giai cấp cần lao bị bóc lột trên toàn thế giới.

Ngày 23-12-1923, nhà báo Liên Xô Ôxíp Mandenxtam đã công bố bài báo: “Thăm một chiến sĩ Quốc tế Cộng sản-Nguyễn Ái Quốc”. Trong bài viết, tác giả đã nói về ấn tượng sâu sắc đối với Nguyễn Ái Quốc-“người An Nam duy nhất ở Mátxcova”: “Đồng chí nói tiếng Pháp... nghe trầm trầm, lắng xuống như hồi âm của tiếng mẹ đẻ quê hương đồng chí”³, “Dáng dấp của con người đang ngồi trước mặt tôi đây, Nguyễn Ái Quốc; cũng đang tỏa ra một cái gì thật lịch thiệp và tế nhị... Từ Nguyễn Ái Quốc đã tỏa ra một thứ văn hóa, không phải văn hóa Âu châu, mà có lẽ là một nền văn hóa tương lai”⁴, “Dân An Nam là một dân tộc giản dị và lịch thiệp. Qua phong thái thanh cao, trong giọng nói trầm ấm của Nguyễn Ái Quốc, chúng ta như nghe thấy ngày mai, như thấy sự yên tĩnh mênh mông của tình hữu ái toàn thế giới”⁵.

Ngay từ sự khởi nguồn của con đường đấu tranh cách mạng giải phóng dân tộc mình và những người cùng khổ trên thế giới, ở Nguyễn Ái Quốc, như cảm nhận của bạn bè quốc tế, đã tỏa ra nền văn hóa hòa bình, yêu thương con

người và tình thân ái của mọi dân tộc trên thế giới. Thời gian hoạt động ở Pháp (1917-1923), Nguyễn Ái Quốc nhận rõ Pháp là quốc gia độc lập, văn minh và phát triển với lý tưởng của cuộc Đại cách mạng 1789: Liberté-Égalité-Fraternité (Tự do-Bình đẳng-Bác ái). Một câu hỏi đặt ra tại sao nước Pháp khởi nguồn những tư tưởng cao đẹp đó lại đi xâm chiếm, cai trị, áp bức các dân tộc khác, trong đó có dân tộc Việt Nam.

Có những người Pháp trọng lẽ phải đã ủng hộ sự nghiệp đấu tranh của Nguyễn Ái Quốc như: Marcel Cachin, Paul Vaillant, Couturier, Leson Blum, Jean Longuet, Gaston Monmousseau. Đó là biểu hiện sinh động của sự đồng cảm với khát vọng độc lập, tự do, hòa bình của dân tộc Việt Nam mà Nguyễn Ái Quốc kiên trì đấu tranh để giành lấy. Các đồng chí Clara Zetkin, nữ chiến sĩ cộng sản người Đức, Ủy viên Ban Thường vụ Quốc tế Cộng sản và D.Manuinxki, phái viên của Quốc tế Cộng sản, rất quan tâm tới ý tưởng và những hoạt động của Nguyễn Ái Quốc và cùng với Ban Phương Đông của Quốc tế Cộng sản, các đồng chí Liên Xô giúp đỡ Người trong hoạt động tại Quốc tế Cộng sản. Khi hoạt động ở Quảng Châu (Trung Quốc) những năm 1924-1927, vừa là trách nhiệm quốc tế, vừa với trách nhiệm với cách mạng Việt Nam, chuẩn bị những điều kiện để thành lập Đảng, Nguyễn Ái Quốc có được sự hợp tác, giúp đỡ của các đồng chí, bạn bè Trung Quốc như: Chu Ân Lai, Lý Phú Xuân, Lưu Thiểu Kỳ, Tống Khánh Linh và các đồng chí khác. Bằng hoạt động cách mạng không mệt mỏi với giá trị văn hóa, nhân văn cao cả, chân thành và lịch thiệp, sâu lắng và bình dị, Nguyễn Ái Quốc đã có sức cảm hóa, thuyết phục lớn lao đối với đôi với đồng chí, bạn bè quốc tế.

Có một sự kiện đáng nhớ về văn hóa trong cuộc đời hoạt động của Nguyễn Ái Quốc. Tháng 9-1924, tại Mátxcova diễn ra cuộc triển lãm nghệ

thuật tạo hình Đức. Nguyễn Ái Quốc đến thăm triển lãm và gặp gỡ họa sĩ người Thụy Điển Erich Johanson. Họa sĩ đã ký họa chân dung Nguyễn Ái Quốc và Người đã ghi bằng chữ Hán ở cuối bức họa: “Nguyễn Ái Quốc-Ngày 15 tháng 9 năm 1924”. Điều lý thú là hơn 40 năm sau, người họa sĩ Thụy Điển đó đã tới thăm Hà Nội, Thủ đô nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, và đã gặp lại Nguyễn Ái Quốc-Hồ Chí Minh, Chủ tịch Nhà nước cách mạng Việt Nam. Hai người gặp lại nhau xúc động và thân tình như những người bạn cũ xa cách lâu ngày.

Những năm 20 của thế kỷ XX, dù hoạt động ở Pháp, Liên Xô, trong Quốc tế Cộng sản, Trung Quốc và các nước khác, ở Nguyễn Ái Quốc luôn toát lên tình hữu ái giữa con người và các dân tộc. *Một là*, Nguyễn Ái Quốc yêu thương nhân dân, đồng bào của mình đang bị đọa đày, đau khổ, đồng thời yêu thương và có khát vọng giải phóng tất cả những người cùng khổ trên thế giới. Vì vậy, Người mong muốn Quốc tế Cộng sản, các đảng cộng sản ở các nước tư bản không chỉ chú trọng cách mạng vô sản giải phóng giai cấp vô sản mà cần quan tâm đầy đủ đến cách mạng giải phóng các dân tộc thuộc địa. *Hai là*, ở Việt Nam và các nước thuộc địa và phụ thuộc khác, vấn đề giải phóng dân tộc phải được đặt lên hàng đầu. Cách mạng giải phóng ở các thuộc địa có khả năng chủ động đấu tranh giành thắng lợi, không phụ thuộc cách mạng các nước tư bản (chính quốc) có nổ ra và thắng lợi hay không. Cách mạng giải phóng ở các nước châu Á, phương Đông có thể góp phần thúc đẩy cách mạng của những người anh em ở phương Tây.

Từ năm 1921, Nguyễn Ái Quốc đã nêu vấn đề: “Chế độ cộng sản có áp dụng được ở châu Á nói chung và Đông Dương nói riêng không?” và Người đã trả lời: “Bây giờ hãy xét những lý do lịch sử cho phép chủ nghĩa cộng sản thâm nhập

vào châu Á dễ dàng hơn là ở châu Âu”⁶. Đó là một tư duy mới của Nguyễn Ái Quốc, không chỉ thuần túy về chính trị mà còn có chiều sâu về giá trị truyền thống lịch sử và văn hóa. Và Nguyễn Ái Quốc nêu rõ: “Ngày mà hàng trăm triệu nhân dân châu Á bị tàn sát và áp bức thức tỉnh để gạt bỏ sự bóc lột đê tiện của một bọn thực dân lòng tham không đáy, họ sẽ hình thành một lực lượng khổng lồ, và trong khi thủ tiêu một trong những điều kiện tồn tại của chủ nghĩa tư bản là chủ nghĩa đế quốc, họ có thể giúp đỡ những người anh em mình ở phương Tây trong nhiệm vụ giải phóng hoàn toàn”⁷.

Ngày 6-6-1931, Nguyễn Ái Quốc bị chính quyền Anh ở Hồng Kông bắt ở số nhà 136 phố Tam Lung, Cửu Long. Các đồng chí, bạn bè Pháp, Trung quốc và Quốc tế Cộng sản đã tích cực giúp đỡ để Nguyễn Ái Quốc được trả tự do. Đặc biệt, được sự can thiệp của luật sư người Anh F.H.Loseby, Chủ tịch Hội luật gia Hồng Kông, Nguyễn Ái Quốc đã trắng án và trở lại Mátxcova vào đầu năm 1934. Sự nghiệp chính nghĩa và con người Nguyễn Ái Quốc có sự cảm hóa đặc biệt đối với vị luật sư người Anh, khiến ông đấu tranh để bảo vệ công lý. Gần 30 năm sau, năm 1960, nhận lời mời của Chủ tịch Hồ Chí Minh, gia đình luật sư F.H.Loseby đã tới thăm Việt Nam. Hồ Chí Minh luôn luôn coi F.H.Loseby là ân nhân của mình.

Ngày 28-1-1941, Nguyễn Ái Quốc trở về Tổ quốc, cùng Trung ương Đảng lãnh đạo sự nghiệp giải phóng dân tộc, giành độc lập. Tháng 8-1942, lấy tên là Hồ Chí Minh, Người sang Trung Quốc để liên lạc với các nước Đồng minh hợp tác chống phát xít Nhật. Hồ Chí Minh đã bị chính quyền Trung Hoa Dân quốc ở địa phương bắt giam. Trong nhà tù, Người viết tác phẩm *Nhật ký trong tù*. Đó là công trình chứa đựng những tư tưởng cách mạng lớn lao, đồng thời có giá trị

văn hóa, nghệ thuật sâu sắc, một tác phẩm văn học lớn, với 133 bài thơ. Sau ngày ra tù, Hồ Chí Minh viết bài thứ 134 để cảm ơn người bạn Trung Quốc đã giúp đỡ “Hầu Chủ nhiệm”⁸.

2 Cách mạng Tháng Tám năm 1945 thành công, Chủ tịch Hồ Chí Minh khai sinh nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa với bản *Tuyên ngôn Độc lập* (2-9-1945). Bản Tuyên ngôn khẳng định chế độ chính trị của nước Việt Nam độc lập của thời đại mới và kết tinh những giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam. Tuyên ngôn đã khẳng định giá trị của quyền con người và từ quyền con người nâng lên quyền dân tộc: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”⁹.

Nhà nước cách mạng do Hồ Chí Minh lãnh đạo, sau ngày tuyên bố độc lập, đã thực hiện nhất quán chính sách đoàn kết, hòa hợp dân tộc, đoàn kết tôn giáo. Không trấn áp, xử lý những người trong chính quyền của chế độ cũ mà còn mời nhiều người, kể cả Cựu hoàng để Bảo Đại tham gia chính quyền mới; mời nhiều nhân sĩ, trí thức làm việc trong Chính phủ, Quốc hội. Một Nhà nước mà chính sách đối nội sáng ngời tinh thần nhân đạo, nhân văn, đương nhiên là một Nhà nước hòa bình, hữu nghị trong quan hệ đối ngoại. Ngày 12-11-1945, Hồ Chí Minh tuyên bố chính sách “Hoa-Việt thân thiện”. Với nước Mỹ “mục tiêu của chúng tôi là độc lập hoàn toàn và hợp tác toàn diện với Hoa Kỳ”¹⁰. “Đối với các nước dân chủ, nước Việt Nam sẵn sàng thực thi chính sách mở cửa và hợp tác trong mọi lĩnh vực”¹¹, “Làm bạn với tất cả mọi nước dân chủ và không gây thù oán với một ai”¹².

Đó là những tư tưởng lớn của Hồ Chí Minh thấm đượm sâu sắc tinh thần hòa bình, hữu nghị với tất cả các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Suốt

đời, Người phấn đấu cho giá trị văn hóa, đạo lý và nhân văn cao cả đó.

Sau ngày nước Việt Nam độc lập, thực dân Pháp đã quay lại xâm lược, đánh chiếm Nam Bộ (23-9-1945) hòng áp đặt lại chế độ thuộc địa như trước ngày 9-3-1945. Đảng, Nhà nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa và Hồ Chí Minh phải lãnh đạo kháng chiến chống xâm lược, bảo vệ nền độc lập. Hồ Chí Minh vẫn giữ thái độ thân thiện với nước Pháp và nhân dân Pháp, chỉ chống thể lực thực dân xâm lược. Người đã chủ động gặp gỡ, đàm phán với phía Pháp và ký Hiệp định Sơ bộ ngày 6-3-1946 với Pháp. Với tư cách người đứng đầu Nhà nước Việt Nam, Hồ Chí Minh đi thăm nước Pháp từ ngày 31-5-1946. Người cố gắng cao nhất trong chính sách hòa bình, thân thiện với Pháp để có được một hiệp định hòa bình, hữu nghị, nhưng đã không được phía Pháp đáp lại và Việt Nam buộc phải kháng chiến lâu dài chống thực dân Pháp xâm lược và 8 năm sau mới giành thắng lợi.

Thể lực thực dân vẫn toan tính cai trị và chia cắt nước Việt Nam. Trong thời gian thăm nước Pháp, ông Albert Sarraut, người đã từng là Toàn quyền Đông Dương và từ năm 1919 là Bộ trưởng thuộc địa đã đối đầu với Nguyễn Ái Quốc những năm 1920-1922, đã chủ động tới chào Chủ tịch Hồ Chí Minh. Họ nói chuyện với nhau như những người bạn cũ, không hận thù và ở Hồ Chí Minh toát lên sự thân thiện, lịch lãm. Ngày 2-7-1946, Chủ tịch Chính phủ Pháp Georges Bidault mở tiệc chiêu đãi Chủ tịch Hồ Chí Minh. Trong đáp từ, Chủ tịch Hồ Chí Minh nêu rõ chính Đại cách mạng Pháp (1789) đã đề ra lý tưởng và nguyên tắc bất hủ: tự do, bình đẳng, bác ái. Hồ Chí Minh khẳng định một thực tế: “Nước Pháp tuy có nhiều tình khác nhau nhưng vẫn là nước thống nhất và không thể chia sẻ được”¹³. Nước Việt Nam tiến lên con đường độc lập, thống nhất, “tôi tin rằng

chẳng bao lâu nước Việt Nam sẽ đóng cái vai trò xứng đáng ở Thái Bình Dương”¹⁴. Hồ Chí Minh khẳng định: “sự thành thực và sự tin cậy lẫn nhau sẽ san phẳng được hết thảy những trở ngại. Chúng ta chẳng đã ruồng bỏ được cái chủ nghĩa đế quốc xâm lược và cái chủ nghĩa quốc gia hẹp hòi không còn thích hợp với thế giới hiện tại đây ư? Chúng ta đều được kích thích bởi một tinh thần. Triết lý đạo Khổng, và triết lý phương Tây đều tán dương một nguyên tắc đạo đức: “Kỷ sở bất dục, vật thi ư nhân”¹⁵ (Điều mà mình không muốn thì đừng làm cho người khác).

Mọi quốc gia, dân tộc trên thế giới dù nhỏ hay lớn đều không muốn và không để độc lập, chủ quyền của mình bị nước khác xâm phạm. Vì vậy, không thể và không có quyền xâm phạm chủ quyền độc lập của dân tộc khác. Đó là chân lý, là lẽ phải không bàn cãi. Nước Pháp đã từng phải trải qua các cuộc chiến đấu chống xâm lược của nước khác, mà lần gần nhất là kháng chiến chống phát xít Đức (1940-1944). Nước Mỹ cũng phải tiến hành chiến tranh giành độc lập.v.v.

Trước hành động chiến tranh xâm lược của thực dân Pháp, Đảng và Hồ Chí Minh phải lãnh đạo cả dân tộc kháng chiến bảo vệ nền độc lập, với ý chí thà hy sinh tất cả, chứ nhất định không chịu mất nước, không chịu làm nô lệ; và chống đế quốc Mỹ, với tinh thần *Không có gì quý hơn độc lập, tự do*¹⁶. Ý chí đó ở Hồ Chí Minh là không thể thay đổi. Nhưng Người luôn đề cao khát vọng hòa bình trong độc lập, tự do. Việc ký kết Hiệp định Giơnevơ (21-7-1954) thể hiện ý nghĩa đó. Người cùng Trung ương Đảng mở mặt trận ngoại giao với NQTU 13 (27-1-1967) vì một nền hòa bình bền vững. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nhiều lần gửi thư cho Tổng thống Hoa Kỳ L.Johnson và R.Nixon nêu rõ thiện chí hòa bình. Trong thư trả lời Tổng thống Mỹ R.Nixon, ngày 25-8-1969, Chủ tịch Hồ Chí Minh khẳng định:

“Nhân dân Việt Nam chúng tôi rất yêu chuộng hòa bình, một nền hòa bình chân chính trong độc lập và tự do thật sự. Nhân dân Việt Nam quyết chiến đấu đến cùng, không sợ hy sinh gian khổ, để bảo vệ Tổ quốc và các quyền dân tộc thiêng liêng của mình”¹⁷.

Ý chí và khát vọng đó đã đưa dân tộc Việt Nam đến ngày toàn thắng 30-4-1975. Đó là thắng lợi của chủ nghĩa anh hùng và trí tuệ Việt Nam, của chính nghĩa và cũng là thắng lợi của văn hóa Hồ Chí Minh-văn hóa hòa bình, nhân ái, nhân văn vì nền độc lập bền vững của đất nước. Hồ Chí Minh suốt đời hy sinh, phấn đấu vì sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc, giành độc lập thống nhất hoàn toàn. Người từng nói: “Tôi hiến cả đời tôi cho dân tộc tôi”¹⁸. Ở Hồ Chí Minh kết tinh giá trị văn hóa của dân tộc Việt Nam và tinh hoa văn hóa của nhân loại. Đại hội đồng UNESCO đã tôn vinh Hồ Chí Minh là “Anh hùng giải phóng dân tộc và nhà văn hóa kiệt xuất của Việt Nam” và kỷ niệm 100 năm Ngày sinh Chủ tịch Hồ Chí Minh vào năm 1990. Sự thống nhất về bản chất giữa hai danh hiệu vẻ vang đó là điểm nổi bật trong cuộc đời và sự nghiệp của Hồ Chí Minh và cũng là niềm tự hào của dân tộc Việt Nam.

1, 2. Xem *Hồ Chí Minh-Biên niên tiểu sử*, Nxb CTQG, H, 1993, T. 1, tr. 94, 127

3, 4, 5, 6, 7. *Hồ Chí Minh Toàn tập*, Nxb CTQG, H, 2011, T. 1, tr. 460, 462, 463, 47, 48

8. *Sđđ*, T. 3, tr. 454

9, 10, 11, 13, 14, 15. *Sđđ*, T. 4, tr. 1, 204, 523, 303, 304, 304

12. *Sđđ*, T. 5, tr. 256

16, 17, 18. *Sđđ*, T. 15, tr. 131, 602, 674.